

Số: 416/KH-QLCL

Thái Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2016

KẾ HOẠCH

Tuyên truyền và giám sát an toàn thực phẩm sản phẩm nông sản, thủy sản năm 2016

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Xây dựng kế hoạch và giải pháp thực hiện với mục tiêu bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng, nâng cao chất lượng ATTP, phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá mức độ an toàn của các sản phẩm thịt lợn, rau, giò, chả, thủy sản đang sản xuất, chế biến và tiêu thụ ở Thái Bình.

- Tuyên truyền, kiểm tra giám sát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm để răn đe và làm chuyển biến nhận thức, trách nhiệm và lương tâm của người sản xuất, chế biến kinh doanh các sản phẩm nông lâm, thủy sản với sức khỏe của người tiêu dùng.

- Phát huy cao vai trò của quần chúng nhân dân trong việc tham gia tố giác các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông lâm, thủy sản; sử dụng các chất cấm thông qua điện thoại đường dây nóng.

- Cung cấp thông tin tới người tiêu dùng về các sản phẩm nông sản thực phẩm sạch, đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Yêu cầu:

- Các đơn vị trong ngành, chính quyền các cấp từ huyện, thành phố đến xã, phường, đoàn thể các cấp, các ngành, mọi người dân nhận thức và có trách nhiệm cao trong sản xuất, bảo quản chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản, thủy sản an toàn trong bối cảnh hiện nay;

- Các huyện, thành phố, xã, phường cần cứ vào đặc điểm, tình hình cụ thể xây dựng kế hoạch triển khai các biện pháp tuyên truyền và giám sát việc tổ chức thực hiện sản xuất các sản phẩm nông lâm và thủy sản có hiệu quả cao nhưng đảm bảo các tiêu chí về vệ sinh ATTP.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp từ xây dựng mô hình sản xuất an toàn theo chuỗi; thông tin tuyên truyền các sản phẩm an toàn, nhận diện sản phẩm an toàn; thanh tra, kiểm tra giám sát; công bố công khai kết quả giám sát...

II. CĂN CỨ ĐỀ GIÁM SÁT VÀ TUYÊN TRUYỀN

- Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quyết định số 629/QĐ-BNN-QLCL ngày 02/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông báo số 2317/ TB-BNN- VP ngày 24/3/2016 của Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT về thông báo ý kiến của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT tại buổi làm việc kiểm soát chất cấm, thuốc kháng

sinh và thuốc BVTV; Công văn số 681/QLCL-CL2 ngày 08/4/2016 của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản về việc thực hiện giám sát an toàn thực phẩm (ATTP) nông sản, thủy sản năm 2016; Quyết định số 3073/QĐ-BNN-QLCL ngày 27/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi thực phẩm nông lâm thủy sản trên phạm vi toàn quốc.

- Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình Quyết định phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành ATTP nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và PTNT.

III. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI:

1. Thời gian: Từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2016.

2. Phạm vi: Trên toàn tỉnh

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Đối với công tác Tuyên truyền (*phụ lục I*)

- Tổ chức tập huấn đến các xã, phường thị trấn, hội, hiệp hội, đoàn thể; các cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông sản, thủy sản và người tiêu dùng với nội dung về qui trình kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản an toàn, kiến thức pháp luật về vệ sinh ATTP, cách nhận diện sản phẩm an toàn. Số lớp tập huấn 200 lớp (50 lớp về kiến thức pháp luật và nhận diện sản phẩm an toàn, 50 lớp về rau quả an toàn, 50 lớp về chăn nuôi an toàn, 50 lớp về nuôi trồng thủy sản an toàn).

- In tờ rơi, tài liệu phát, băng rôn, khẩu hiệu để tuyên truyền tại các nơi đông người và phát khi đi tuyên truyền lưu động. Số tờ rơi: 40.000 tờ (10.000 tờ về tác hại của việc sử dụng thực phẩm không an toàn và hướng dẫn lựa chọn thực phẩm an toàn, 10.000 tờ về rau quả an toàn, 10.000 tờ về chăn nuôi an toàn, 10.000 tờ về nuôi trồng thủy sản an toàn); Băng rôn tuyên truyền.

- Tuyên truyền qua hệ thống Phát thanh và Truyền hình từ tỉnh đến huyện, xã, báo Thái Bình, thực hiện thường xuyên và liên tục.

- Tuyên truyền lưu động: Tập trung vào các thời điểm nhu cầu sử dụng các sản phẩm nông sản, thủy sản tăng cao, khu vực tập trung đông dân cư, các khu vực chợ..... . Tuyên truyền 3 đợt trong năm 2016.

- Cung cấp thông tin về vi phạm vệ sinh ATTP qua đường dây nóng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Hội chợ, hội thảo các sản phẩm được xác định an toàn có nguồn gốc....

2. Đối với công tác giám sát ATTP

a) Giám sát sản phẩm nông sản, thủy sản (*phụ lục 2*)

- Thực hiện lấy mẫu: Mẫu lấy từ các nguồn đại diện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh/thu mua/phân phối/tiêu thụ khác nhau tại các huyện, thành phố trong tỉnh, các mẫu đảm bảo có thể truy xuất được nguồn gốc để xử lý khi phát hiện mẫu không đảm bảo ATTP.

- Trong quá trình thực hiện, tùy thuộc vào nguy cơ sản phẩm bị ô nhiễm và tình hình sản xuất kinh doanh sản phẩm trên địa bàn tỉnh, có thể điều chỉnh số lượng mẫu hàng tháng và chỉ tiêu phân tích để đảm bảo hiệu quả giám sát.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc, tìm ra nguyên nhân gây mất ATTP, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời. Xử lý nghiêm đối với cơ sở có mẫu thực phẩm vi phạm pháp luật về ATTP, đặc biệt là trường hợp phát hiện chất cấm trong chăn nuôi

- Địa điểm lấy mẫu, loại mẫu, số lượng và chỉ tiêu phân tích mẫu dự kiến:

TT	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Tần suất lấy mẫu trung bình	Chỉ tiêu phân tích
1	Mẫu Thịt lợn	100	10 mẫu/1 tháng	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Salmonella</i>; - Dư lượng nhóm Beta agonist (Salbutamol, Clenbuterol, Ractopamine); - Dư lượng nhóm Sulfonamide (sulfadiazin, sulfadimidin).
2	Mẫu giò	50	06 mẫu/1 tháng	- Hàn the (Borax)
3	Mẫu chả	50	06 mẫu/1 tháng	- Hàn the (Borax)
4	Mẫu rau	100	12 mẫu/1 tháng	- Dư lượng thuốc BVTV
5	Mẫu thủy sản khô	50	06 mẫu/1 tháng	- Trichlorfon
Tổng cộng		350		

b) *Giám sát mô hình chuỗi sản xuất nông sản an toàn (phụ lục 4)*

Thực hiện mô hình chuỗi sản xuất thịt lợn an toàn trên địa bàn tỉnh nhằm nhân rộng quy mô sản xuất an toàn trong chăn nuôi nông hộ.

3. Xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm (phụ lục 3)

- Tổ chức Hội nghị giới thiệu, quảng bá sản phẩm an toàn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản thực phẩm;

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản, thủy sản tại các Hội chợ trong tỉnh nhằm quảng bá sản phẩm an toàn.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách tỉnh:

1. Kinh phí tuyên truyền: 955.000.000 đồng trong đó:

- Tập huấn 800.000.000 đồng
- Tờ rơi, băng rôn: 85.000.000 đồng
- Tuyên truyền lưu động: 30.000.000 đồng
- Tuyên truyền qua các cơ quan truyền thông: 30.000.000 đồng
- Kinh phí mua tin: 10.000.000 đồng

2. Kinh phí giám sát: 760.500.000 đồng trong đó:

- Giám sát sản phẩm nông sản, thủy sản: 510.500.000 đồng
- Giám sát mô hình chuỗi sản phẩm nông sản: 250.000.000 đồng

3. Kinh phí xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm: 40.000.000 đồng

Tổng kinh phí: 1.755.500.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng)

5. Dự kiến kết quả

- Chuyển biến nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, bảo quản và chế biến trong việc thực hiện những quy định của Nhà nước về vệ sinh ATTP nông sản, thủy sản được nâng lên.

- Thông qua kết quả phân tích sẽ đánh giá được mức độ ATTP sản phẩm nông sản, thủy sản cung cấp cho người tiêu dùng trong tỉnh từ đó đưa ra phương hướng quản lý, xử lý vi phạm; hướng dẫn cơ sở thực hiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo đảm an toàn.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị UBND tỉnh: Xem xét, quyết định hỗ trợ kinh phí để Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, giám sát chất lượng ATTP theo chỉ đạo của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chủ trì và phối hợp các sở, ngành, huyện, thành phố tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền và giám sát ATTP trong lĩnh vực nông sản, thủy sản.

- Giao Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy thực hiện một số nội dung sau:

+ Triển khai thực hiện việc giám sát ATTP nông sản, thủy sản năm 2016; thực hiện truy xuất nguồn gốc; đưa ra biện pháp khắc phục, xử lý đối với cơ sở có mẫu không bảo đảm ATTP; sau khi nhận đủ các kết quả phân tích từ các phòng kiểm nghiệm có trách nhiệm thông báo kết quả đến các cơ sở đã thực hiện lấy mẫu; tổng hợp, báo cáo kết quả giám sát về Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ hàng tháng, năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu); Phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình, Báo Thái Bình, Đài truyền thanh các địa phương để đưa tin về kết quả giám sát, công khai các cơ sở có mẫu vi phạm an toàn thực phẩm.

+ Triển khai các lớp tập huấn, in, phát tờ rơi liên quan đến kiến thức về pháp luật và nhận diện sản phẩm an toàn.

+ Tổ chức thực hiện việc tuyên truyền lưu động đảm bảo có hiệu quả cao nhất.

+ Chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong ngành tuyên truyền qua hệ thống truyền thông của tỉnh, tổ chức các buổi hội thảo, tham gia hội chợ quảng bá sản phẩm; thực hiện việc thu nhận thông tin qua đường dây nóng.

+ Thực hiện mô hình chuỗi sản xuất nông sản;

- Giao Chi cục Trồng trọt và BVTM: Tổ chức thực hiện các lớp tập huấn và in, phát tờ rơi liên quan đến lĩnh vực trồng trọt.

- Giao Chi cục Chăn nuôi và Thú y: Tổ chức thực hiện các lớp tập huấn và in, phát tờ rơi liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi

- Giao Chi cục Thủy sản: Tổ chức thực hiện các lớp tập huấn và in, phát tờ rơi liên quan đến lĩnh vực Thủy sản.

3. Các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Tài nguyên và Môi trường:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền và giám sát an toàn thực phẩm sản phẩm nông sản, thủy sản năm 2016.

4. Các Ban ngành đoàn thể: Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Thái Bình, Hội nông dân, Hội Phụ nữ tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh tuyên truyền để nhân dân và các hội viên nhận thức được tầm quan trọng của công tác đảm bảo vệ sinh ATTP và tác hại của dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng kháng sinh, chất cấm, chất bảo quản trong các sản phẩm nông sản, thủy sản ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

5. UBND huyện, thành phố

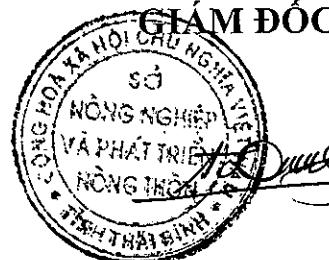
- Chỉ đạo các phòng ban chức năng, UBND các xã phường, thị trấn phối hợp với các Chi cục chuyên môn của Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục: Quản lý Chất lượng, Trồng trọt và BVTV, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản) thực hiện tuyên truyền về vệ sinh ATTP; giám sát các sản phẩm nông sản, thủy sản trên địa bàn quản lý;

- Phát động quần chúng nhân dân tố giác các tổ chức, cá nhân buôn bán, tàng trữ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhập lậu, thuốc cấm sử dụng ở Việt Nam; chất cấm trong chăn nuôi, các chất cấm không được phép sử dụng trong công nghệ thực phẩm.

Trên đây là Kế hoạch tuyên truyền và giám sát an toàn thực phẩm sản phẩm nông sản, thủy sản năm 2016 Sở Nông nghiệp và PTNT./*PMQ*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Cục QLCL;
- Ban Giám đốc Sở;
- Chi cục QLCL; TTBVTV; TS; CNTY;
- Lưu: VT, QLCL



Phạm Văn Dụng

Phụ lục 1: DỰ TOÁN KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN

1. Tập huấn.

- Số lớp: 200 lớp
 - Số người: 20.000 người
 - Thời gian: 01 ngày/01 lớp
- Dự toán kinh phí: 01 lớp

TT	Nội dung	Thành tiền (đ)
1	Tiền ăn: 20.000đồng/ ngày/ người × 100 người	2.000.000
2	Tiền nước uống: 2.000đồng/ người × 100 người	200.000
3	Tiền phô tô tài liệu: (10 tờ 2 mặt x 600đ/ tờ 2 mặt) × 100 quyển	600.000
4	Tiền bồi dưỡng giảng viên: 300.000 đồng/ người × 01 lớp	300.000
5	Tiền phục vụ loa đài, hội trường: 200.000đồng/ ngày × 01 lớp	200.000
6	Tiền quản lý lớp: 100.000đồng/ người × 2 người/lớp × 01 lớp	200.000
7	Tiền coi xe: 100.000đồng/ ngày/ người × 2 người/lớp × 01 lớp	200.000
8	Tiền trang trí khẩu hiệu : 200.000đồng/ lớp × 01 lớp	200.000
9	Tiền liên hệ, tìm điểm tập huấn: 100.000đ/người/lớp × 01 lớp	100.000
	Tổng cộng	4.000.000
	<i>(Bảng chữ: Bốn triệu đồng)</i>	

Tổng cộng: 200 lớp × 4.000.000 đồng/lớp = 800.000.000 đồng

2. Thiết kế, in ấn tờ rơi: 80.000.000 đồng

- Nội dung:

- + Tác hại, thiệt hại khi lạm dụng hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y trong chăn nuôi;
- + Tác hại, thiệt hại khi lạm dụng hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y trong thủy sản;
- + Tác hại, thiệt hại khi lạm dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong trồng rau;
- + Tác hại của việc sử dụng thực phẩm không an toàn; cách nhận diện sản phẩm an toàn.

- Cấp phát: Tất cả các đối tượng sản xuất, kinh doanh,.. và người dân trong tỉnh.

- Số lượng, kinh phí: 2.000đ/ tờ x 40.000 tờ = 80.000.000 (đồng)

- Thời gian: Từ tháng 5-12/2016

3. Tuyên truyền bằng xe lưu động: 30.000.000 đồng

- Nội dung:

- + Tuyên truyền tác hại, thiệt hại khi lạm dụng hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y trong chăn nuôi;

+ Tuyên truyền tác hại, thiệt hại khi lạm dụng hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y trong nuôi trồng thủy sản;

+ Tuyên truyền tác hại, thiệt hại khi lạm dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong trồng rau;

+ Tuyên truyền tác hại của việc sử dụng thực phẩm không an toàn; cách nhận diện sản phẩm an toàn.

- Phát thanh: Vào các dịp cao điểm (Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh ATTP, dịp tết Trung thu.)

- Địa điểm: Trong toàn tỉnh (chủ yếu tại các chợ và các siêu thị, cửa hàng buôn bán,...)

- Kinh phí:

TT	Nội dung	Thành tiền (đ)
1	Tiền thuê xe: 03 đợt x 5 ngày/đợt x 1.500.000đ/ngày	22.500.000
2	Tiền thuê làm đĩa phát, in pano,...	2.400.000
3	Tiền thuê dụng cụ, thiết bị phát thanh	3.000.000
4	Công tác phí cán bộ chuyên môn: 70.000đ/ngày/người x 15 ngày x 02 người	2.100.000
	Cộng	30.000.000

**Phụ lục 2: DỰ TOÁN CHI TIẾT
KINH PHÍ GIÁM SÁT ATTP NĂM 2016**

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Đơn giá	Khối lượng	Số lượng mẫu	Thành tiền
1	Chi phí mua mẫu					33.000.000
	- Mẫu thịt lợn	Kg	100.000	1	100	10.000.000
	- Mẫu giò	Kg	140.000	1	50	7.000.000
	- Mẫu chả	Kg	120.000	1	50	6.000.000
	- Mẫu rau	Kg	20.000	2	100	4.000.000
	- Mẫu thủy sản khô	Kg	120.000	1	50	6.000.000
2	Chi phí đi lấy mẫu (02 người x 48 ngày)	Lượt người	100.000			9.600.000
3	Chi phí mua dụng cụ đựng, bảo quản mẫu					3.824.000
	- Mua đá bảo quản mẫu	Túi	20.000		48	960.000
	- Mua thùng xốp đựng mẫu	Thùng	35.000		56	1.960.000
	- Mua thùng bảo quản mẫu	Thùng	500.000		1	500.000
	- Mua cân lấy mẫu	Chiếc	200.000		1	200.000
	- Mua túi ni lông, băng keo, găng tay...					204.000
4	Chi phí gửi mẫu					4.160.000
	Tiền xe đi lại (tiền xe ô tô + xe ôm đi và về):	Lượt	160.000		16	2.560.000
	Công tác phí cho cán bộ mang mẫu đi phân tích	ngày	100.000		16	1.600.000
5	Chi phí phân tích mẫu (theo bảng 2)					454.476.000
6	Chi phí mua test nhanh kiểm tra mẫu					5.440.000
	- Kiểm tra Hán the (100 kit/hộp)	Hộp	220.000		2	440.000
	- Kiểm tra dư lượng thuốc BVTV (10 kit/hộp)	Hộp	500.000		10	5.000.000
	Tổng cộng					510.500.000

Bảng 1: KẾ HOẠCH LÁY MẪU GIÁM SÁT THEO THÁNG

TT	Thời gian	Đối tượng	Số lượng mẫu
1	Tháng 5	Thịt lợn Giò Chả Rau Thủy sản khô	12 06 06 12 06
2	Tháng 6	Thịt lợn Giò Chả Rau Thủy sản khô	12 06 06 12 06
3	Tháng 7	Thịt lợn Giò Chả Rau Thủy sản khô	12 06 06 12 06
4	Tháng 8	Thịt lợn Giò Chả Rau Thủy sản khô	12 06 06 12 06
5	Tháng 9	Thịt lợn Giò Chả Rau Thủy sản khô	12 06 06 12 06
6	Tháng 10	Thịt lợn Giò Chả Rau Thủy sản khô	12 06 06 12 06
7	Tháng 11	Thịt lợn Giò Chả Rau Thủy sản khô	14 07 07 14 07
8	Tháng 12	Thịt lợn Giò Chả Rau Thủy sản khô	14 07 07 14 07
	Tổng cộng	05	350

Bảng 2: CHI PHÍ PHÂN TÍCH MẪU

Loại mẫu	Chỉ tiêu phân tích		Đơn giá (đồng)	Số lượng chỉ tiêu phân tích	Thành tiền (đồng)		
Thịt lợn	Vi sinh vật	<i>Salmonella</i>	262.000	48	12.576.000		
	Nhóm Beta agonist	Salbutamol	1.000.000	100	100.000.000		
		Clenbuterol	1.000.000	48	48.000.000		
		Ractopamine	1.000.000	48	48.000.000		
	Nhóm sulfonamide	Sulfadiazin	800.000	48	38.400.000		
		Sulfadimidin	400.000	100	40.000.000		
Mẫu rau	Dư lượng thuốc BVTV (phương pháp đa dư lượng)		3.000.000	50	150.000.000		
	Dư lượng thuốc BVTV (phương pháp thử tets nhanh)			50			
Mẫu giò, chả	Hàn the (Phương pháp thử bằng tets nhanh)			100			
Thủy sản khô	Trichlorfon		350.000	50	17.500.000		
Tổng cộng					454.476.000		
<i>Bảng chữ: Bốn trăm năm mươi tư triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng</i>							

Phụ lục 3: XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, QUẢNG BÁ SẢN PHẨM

Tổng kinh phí: 40.000.000 đồng

1. Hội nghị giới thiệu, quảng bá sản phẩm an toàn.

- Đối tượng: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thực phẩm

- Kinh phí: 6.782.000đ/cuộc x 02 cuộc = 13.564.000đ

TT	Nội dung	Thành tiền (đ)
1	Tiền ăn cho học viên 50.000 đ/ngày x 50 người x 1 ngày	2.500.000
2	Tiền nước uống 30.000 đ/ngày x 50 người x 01 ngày	1.500.000
3	Tiền phô tô tài liệu (6 tờ 2 mặt x 600đ/ tờ 2 mặt + 2.000đ/quyển) x 50 quyển	280.000
4	Thuê loa đài, hội trường, tít:	2.300.000
5	Văn phòng phẩm	202.000
Tổng		6.782.000

2. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm

- Nội dung: Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản tại các Hội chợ trong tỉnh.

- Kinh phí: 13.218.000đ/hội chợ x 02 hội chợ = 26.436.000đ

TT	Nội dung	Thành tiền (đ)
1	Hỗ trợ tiền vận chuyển sản phẩm 01 chuyến/ gian hàng x 3 gian hàng x 1.206.000 đồng/gian hàng	3.618.000
2	Tiền hỗ trợ thuê gian hàng: 3 gian hàng/hội chợ x 3.000.000đồng/gian hàng	9.000.000
3	Tiền hỗ trợ in ấn khẩu hiệu, pano 03 khẩu hiệu/hội chợ x 200.000 đồng/ khẩu hiệu	600.000
	Cộng	13.218.000